ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 121/KH-UBND	*Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2018*

SỞ TƯ PHÁP T.TUYÊN QUANG
Ngày 14-03-2019
CÔNG VĂN ĐẾN Số: 1070

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2020

Căn cứ Luật Bình đẳng giới ngày 29/11/2006;

Căn cứ Quyết định số 2351/QĐ-TTg ngày 24/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 02/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, sự tham gia tích cực của các đoàn thể, tổ chức xã hội, cộng đồng, gia đình và cá nhân trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác bình đẳng giới.

1.2. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bình đẳng giới; đẩy mạnh việc lồng ghép giới trong quá trình xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật, chương trình, dự án của địa phương; tạo bước chuyển biến mạnh mẽ nhằm thay đổi nhận thức, hành vi thực hiện bình đẳng giới, từng bước thu hẹp khoảng cách giới và nâng vị thế của phụ nữ trong một số lĩnh vực còn bất bình đẳng hoặc nguy cơ bất bình đẳng giới, tiến tới bình đẳng giới thực chất.

1.3. Xác định rõ trách nhiệm và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, đoàn thể và địa phương trong việc tổ chức thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới.

2. Yêu cầu

Huy động tối đa mọi nguồn lực để thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2020.

II. NỘI DUNG

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đến năm 2020: Cơ bản bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu 1: Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị

- Chỉ tiêu 1: Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy Đảng: Cấp tỉnh từ 27% trở lên, cấp huyện từ 20% trở lên, cấp xã từ 24% trở lên.

- Chỉ tiêu 2: Phấn đấu đạt tỷ lệ nữ tham gia đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021: Cấp tỉnh từ 35% trở lên, cấp huyện từ 35% trở lên, cấp xã từ 30% trở lên.

- Chỉ tiêu 3: Phấn đấu đạt tỷ lệ nữ đại biểu quốc hội khóa XIV từ 50% trở lên.

- Chỉ tiêu 4: Phấn đấu đến năm 2020, đạt trên 80% trở lên cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có lãnh đạo chủ chốt là nữ nếu ở cơ quan, tổ chức có tỷ lệ 30% trở lên nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

- Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ nữ được kết nạp Đảng đạt từ 50% trở lên trong tổng số đảng viên mới được kết nạp.

b) Mục tiêu 2: Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động

- Chỉ tiêu 1: Hàng năm, trong tổng số người được tạo việc làm, tỷ lệ lao động nữ tăng dần, đảm bảo ít nhất 50% trở lên vào năm 2020.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp (bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của công ty) đạt từ 22,35% trở lên vào năm 2020.

- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật đạt 40% vào năm 2020.

- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức đạt 100% vào năm 2020.

- Chỉ tiêu 5: Tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động của lao động nữ ở khu vực nông thôn lên 90%, giảm tỷ lệ thất nghiệp lao động nữ ở thành thị xuống dưới 3% vào năm 2020.

c) Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Chỉ tiêu 1: Vào năm 2020, tỷ lệ biết chữ của nữ trong độ tuổi từ 15-60 đạt ngang bằng với nam trên 98%, tỷ lệ người dân tộc thiểu số biết chữ đạt trên 90%.

- Chỉ tiêu 2: Phấn đấu năm 2020 tỷ lệ nữ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ thạc sĩ đạt 50%, trình độ tiến sĩ đạt 30% trở lên so với tổng số cán bộ, công chức, viên chức cùng trình độ.

d) Mục tiêu 4: Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe

- Chỉ tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh không vượt quá 110 trẻ sơ sinh trai/ 100 trẻ sơ sinh gái vào năm 2020.

- Chỉ tiêu 2: Giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản xuống dưới 30/100.000 ca đẻ sống vào năm 2020.

- Chỉ tiêu 3: Giảm tỷ lệ nạo, hút thai xuống 25/100 ca đẻ sống vào năm 2020.

- Chỉ tiêu 4: Tăng tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con lên 100% vào năm 2020.

- Chỉ tiêu 5: Duy trì 90% phụ nữ có thai khám thai 3 tháng 1 lần tại các cơ sở y tế.

- Chỉ tiêu 6: Tăng tuổi thọ trung bình của phụ nữ lên 78 tuổi.

- Chỉ tiêu 7: Duy trì 100% ca đẻ có nhân viên y tế hoặc y sĩ sản nhi chăm sóc.

- Chỉ tiêu 8: Duy trì 100% trạm y tế có nữ hộ sinh, y sĩ sản nhi.

đ) Mục tiêu 5: Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa và thông tin

- Chỉ tiêu 1: Phấn đấu hàng tháng có ít nhất 02 chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở tại các xã, phường, thị trấn vào năm 2020.

- Chỉ tiêu 2: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện, thành phố tiếp tục có nội dung tuyên truyền lồng ghép về bình đẳng giới trong các chương trình thời sự, trong các mục, chuyên mục, chuyên đề liên quan phát trên sóng phát thanh, truyền hình và Trang thông tin điện tử tổng hợp.

e) Mục tiêu 6: Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới

- Chỉ tiêu 1: Từng bước rút ngắn khoảng cách thời gian tham gia công việc gia đình của nữ so với nam xuống 2,0 lần vào năm 2020.

- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2020, ít nhất 45% số nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn về tâm lý, pháp lý, được hỗ trợ và chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân của bạo lực gia đình; 75% số người gây bạo lực gia đình được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

- Chỉ tiêu 3: Duy trì 100% nạn nhân nữ bị buôn bán trở về được phát hiện và được hưởng các dịch vụ hỗ trợ, tái hòa nhập cộng đồng.

f) Mục tiêu 7: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới

- Chỉ tiêu 1: Đến năm 2020 có 100% số văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.

- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2020, bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới ở ngành Lao động - Thương binh và Xã hội; 100% các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, huyện bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nghiệm làm công tác bình đẳng giới; hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Chỉ tiêu 3: Duy trì 100% cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành được tập huấn nghiệp vụ ít nhất mỗi năm 1 lần.

(Có biểu chi tiết các mục tiêu, chỉ tiêu kèm theo)

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Các giải pháp chung

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể trong việc thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới. Thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề về bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới; tăng cường phối hợp liên ngành trong việc tổ chức các hoạt động về bình đẳng giới.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trong tỉnh.

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới. Thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của các sở, ngành và các địa phương, cơ sở.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện pháp luật về bình đẳng giới; tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và rút ra bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, Kế hoạch thực hiện Chiến lược bình đẳng giới.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính; bố trí ngân sách nhà nước cho công tác bình đẳng giới theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và kinh phí cho các chương trình mục tiêu, đề án, dự án liên quan.

2.2. Các giải pháp cụ thể

a) Nhóm các giải pháp để thực hiện mục tiêu 1

- Phát huy vai trò và tăng cường trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức sử dụng cán bộ, công chức, viên chức trong việc bố trí, phân công công tác đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm đúng quy định về bình đẳng giới; ưu tiên lựa chọn nữ có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định trong quy hoạch và bổ nhiệm vào chức danh, chức vụ để đảm bảo tỷ lệ nữ nhằm thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới.

- Xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện công tác quy hoạch gắn với công tác bố trí, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nữ cán bộ, công chức, viên chức vào các chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp tại các cơ quan, tổ chức nhà nước với các chỉ tiêu cụ thể và giải pháp khả thi; định kỳ hằng năm tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch.

- Tăng cường công tác tuyên truyền về bình đẳng giới trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức về công tác cán bộ nữ, góp phần xóa bỏ các định kiến, các quan niệm không phù hợp về vai trò của nam và nữ trong gia đình và ngoài xã hội.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về bình đẳng giới, trước hết là độ tuổi về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm.

- Hỗ trợ việc nâng cao năng lực cho đội ngũ nữ cán bộ, công chức, viên chức nhằm tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo và các cơ quan dân cử, đặc biệt đối với nữ lãnh đạo trẻ, nữ lãnh đạo là người dân tộc thiểu số.

b) Nhóm các giải pháp để thực hiện mục tiêu 2

- Giảm chi phí tiếp cận việc làm và thời gian tìm việc của người lao động thông qua việc xây dựng hệ thống thông tin về thị trường lao động, tư vấn về việc làm và về cơ hội đầu tư. Xây dựng cơ sở dữ liệu về thị trường lao động và đào tạo nghề có tách biệt theo giới tính. Có các biện pháp cụ thể để khuyến khích đầu tư vào việc cung cấp thông tin về thị trường lao động, thị trường đầu tư, thị trường tài chính ... với giá rẻ, bảo đảm tính trung thực và cập nhật.

- Thực hiện các biện pháp nhằm đáp ứng nhu cầu của nữ giới và nam giới tham gia bảo hiểm tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp, chú ý nhóm lao động nghèo ở nông thôn, lao động tại các địa phương bị thu hồi đất.

- Bảo đảm các điều kiện để phụ nữ được tiếp cận đầy đủ và bình đẳng giới các nguồn lực kinh tế (như đất canh tác, các nguồn vốn tín dụng, thông tin thị trường, thông tin về luật pháp, chính sách), bình đẳng về cơ hội tham gia sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện có hiệu quả "Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020"; Chương trình Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm giai đoạn 2016-2020;

Kế hoạch thực hiện chương trình giảm nghèo giai đoạn 2016-2020. Có chính sách hỗ trợ các cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đặc biệt là cơ sở thu hút nhiều lao động nữ.

- Các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo nâng cao kiến thức có sử dụng ngân sách nhà nước cần chú trọng thu hút nhiều học viên nữ. Xác định và bảo đảm thực hiện các chỉ tiêu về nữ trong việc bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo cho người dân ở khu vực nông thôn, hỗ trợ áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm chế biến.

- Nghiên cứu, phát triển các mô hình cung cấp dịch vụ bình đẳng giới, trong đó tập trung tăng cường cơ hội có việc làm, bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bền vững cho người lao động yếu thế, thúc đẩy sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong phát triển kinh tế.

- Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các chính sách đối với lao động nữ nhằm bảo đảm tính hiệu quả, công bằng trong chính sách đào tạo nghề, bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động và chế độ nghỉ hưu trí.

c) Nhóm các giải pháp để thực hiện mục tiêu 3

- Rà soát các quy định của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về độ tuổi đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm, nghỉ hưu; xác định những vấn đề bất cập, chưa hợp lý phát sinh khi thực hiện những quy định này để kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung.

- Thực hiện đưa nội dung về giới, bình đẳng giới vào chương trình giảng dạy chính thức trong nhà trường, nội dung phù hợp với các cấp học; đưa nội dung về giới vào các chương trình bồi dưỡng quản lý nhà nước, lý luận chính trị nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ lãnh đạo chủ chốt, góp phần xóa bỏ các định kiến, các quan niệm không phù hợp với vai trò của nam và nữ trong gia đình, xã hội.

- Có những chính sách đặc thù cho một số nhóm đối tượng: chính sách, chương trình học bổng hỗ trợ trẻ em gái và phụ nữ tham gia học tập nâng cao trình độ, đặc biệt có chính sách khuyến khích đối với trẻ em gái, phụ nữ nông thôn và vùng dân tộc thiểu số; chính sách đặc thù cho giáo dục mầm non ở vùng sâu, vùng xa và vùng có điều kiện khó khăn; chính sách thu hút giáo viên tiểu học và mầm non là nam giới.

- Thực hiện lồng ghép giới trong các chính sách, chương trình, kế hoạch về giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu có tách biệt theo giới tính, độ tuổi, dân tộc ở các cấp học, bậc học.

- Có các biện pháp nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và tăng cường trang bị nhận thức về giới, lồng ghép giới cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo của các ngành, các cấp.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và theo dõi tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về bình đẳng giới, đặc biệt là các quy định về độ tuổi đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ nữ.

- Hỗ trợ việc nâng cao năng lực cho nữ lãnh đạo trẻ thông qua việc thực hiện các chương trình, dự án nâng cao năng lực.

d) Nhóm các giải pháp để thực hiện mục tiêu 4

- Phát triển các kỹ thuật chuyên sâu, từng bước hiện đại; đẩy mạnh công tác đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

- Tăng cường năng lực mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho cả phụ nữ và nam giới có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với thực tế địa phương, nhu cầu của từng nhóm đối tượng. Đặc biệt, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản theo hướng linh hoạt, phương pháp tiếp cận phù hợp đối với phụ nữ và nam giới ở từng nhóm tuổi thuộc khu vực nông thôn, các khu, cụm công nghiệp, lao động tự do, lao động di cư.

- Tiếp tục tăng cường và nâng cao chất lượng các hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho phụ nữ và nam giới; tăng cường sự tham gia của nam giới vào việc thực hiện các biện pháp kế hoạch hóa gia đình để có hiểu biết, thái độ và hành vi đúng đắn về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục và kế hoạch hóa gia đình. Mở rộng mạng lưới tư vấn về sức khỏe sinh sản cho nam giới và truyền thông đối với người chưa thành niên về sức khỏe tình dục, tránh thai an toàn.

- Thực hiện lồng ghép giới trong các chính sách, chương trình, kế hoạch của ngành y tế.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả việc kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh.

đ) Nhóm các giải pháp để thực hiện mục tiêu 5

- Nâng cao nhận thức về giới cho người sản xuất các sản phẩm văn hóa, thông tin. Xóa bỏ các thông điệp và hình ảnh mang định kiến giới trong các sản phẩm văn hóa, thông tin.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về giới trên các phương tiện thông tin đại chúng với các hình thức đa dạng, linh hoạt, phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng khu vực. Đẩy mạnh truyền thông về bình đẳng giới thông qua mạng lưới thông tin cơ sở.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra các hoạt động và sản phẩm văn hóa, thông tin từ góc độ giới.

e) Nhóm các giải pháp để thực hiện mục tiêu 6

- Đẩy mạnh việc xây dựng gia đình văn hóa, trong đó nhấn mạnh tiêu chí bình đẳng giới trong gia đình.

- Chú trọng xây dựng mô hình các câu lạc bộ gia đình hạnh phúc, bình đẳng và không có bạo lực, thu hút sự tham gia tích cực của nam giới vào các hoạt động này.

- Tiếp tục xây dựng và thực hiện thí điểm mô hình "Địa chỉ tin cậy - Nhà tạm lánh tại cộng đồng"; mô hình tư vấn, hỗ trợ phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới và buôn bán người; nhân rộng các mô hình thành công.

f) Nhóm các giải pháp để thực hiện mục tiêu 7

- Từng bước bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới ở các cấp; hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ.

- Bồi dưỡng kỹ năng phân tích, đánh giá và lồng ghép giới cho đội ngũ cán bộ, công chức tham gia hoạch định chính sách và xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Củng cố bộ máy hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các ngành, các cấp nhằm đảm bảo nguồn nhân lực trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Nội dung hoạt động

3.1. Nâng cao hoạt động truyền thông và nhận thức về bình đẳng giới

- Thực hiện các tin, bài và phóng sự chuyên đề về bình đẳng giới; biểu dương những cá nhân, tập thể tiêu biểu thực hiện tốt bình đẳng giới trên Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và các Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện, thành phố. Thực hiện việc tuyên truyền cho đội ngũ cán bộ, công chức bằng các hình thức, cách làm phù hợp với từng cơ quan, đơn vị.

- Mở rộng đội ngũ cộng tác viên cung cấp tin, bài cho mục hoạt động bình đẳng giới trên trang thông tin điện tử Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nhằm tuyên truyền, cung cấp thông tin và chia sẻ kinh nghiệm hoạt động.

- Cung cấp tài liệu, tờ rơi, sách tuyên truyền về kỹ năng lồng ghép giới, lên án các hành vi vi phạm bình đẳng giới.

- Tổ chức diễn đàn, giao lưu giữa các cá nhân, tập thể điển hình tiêu biểu thực hiện tốt công tác bình đẳng giới với lãnh đạo các cấp, các ngành.

- Trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm các mô hình hoạt động về bình đẳng giới có hiệu quả.

3.2. Điều tra, thu thập số liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu về bình đẳng giới

- Tổ chức điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng, nội dung và biện pháp tổ chức thực hiện các lĩnh vực về bình đẳng giới; thu thập và quản lý dữ liệu về giới, bình đẳng giới; đánh giá nhu cầu hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới; hoạch định chính sách về bình đẳng giới.

- Phối hợp quản lý, sử dụng dữ liệu bình đẳng giới.

3.3. Nâng cao năng lực hoạch định chính sách và tổ chức thực hiện về bình đẳng giới

- Tổ chức triển khai kế hoạch hành động tới các sở, ban, ngành, đoàn thể, các huyện, thành phố và các tổ chức liên quan.

- Tổ chức tọa đàm về các quyền của phụ nữ trong xã hội phát triển.

- Tập huấn về điều tra, khảo sát tách biệt giới, phân tích giới, kỹ năng lồng ghép giới, kỹ năng giám sát, đánh giá cho cán bộ thực hiện công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành và cộng tác viên ở cơ sở.

- Tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên dạy nghề về lồng ghép giới trong các chương trình giảng dạy; phương pháp đào tạo nghề cho lao động nữ ở nông thôn.

- Tập huấn lồng ghép giới trong các chương trình giảng dạy tại trường phổ thông cho giáo viên các trường phổ thông trong tỉnh.

- Tập huấn về nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra, xử phạt các hành vi vi phạm Luật Bình đẳng giới cho cán bộ thanh tra, cán bộ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thành phố.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nữ cán bộ quản lý, nữ lãnh đạo các cấp, nữ cán bộ thuộc diện quy hoạch.

3.4. Giám sát, đánh giá

- Định kỳ 6 tháng/lần tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ tại các sở, ban, ngành, địa phương.

- Cung cấp trang thiết bị phục vụ công tác lập kế hoạch, giám sát, đánh giá.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Do ngân sách nhà nước cấp, kinh phí lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh việc quản lý nhà nước về bình đẳng giới trong phạm vi toàn tỉnh; tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch dài hạn, 5 năm, hàng năm, các chương trình, đề án, dự án về bình đẳng giới của tỉnh; nghiên cứu đề xuất các chính sách, giải pháp và cụ thể hóa chiến lược, chính sách, mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan xây dựng chỉ tiêu lao động nữ có việc làm mới, được đào tạo nghề và trong các hộ nghèo; lồng ghép giới trong các chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm và giảm nghèo.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, trong đó tập trung xử lý các hành vi xâm phạm nhân phẩm, vi phạm quyền lợi của phụ nữ và vi phạm an toàn vệ sinh lao động đối với phụ nữ.

- Chủ trì, phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh tiến hành kiểm tra, khảo sát tình hình ăn, ở tập trung của lao động nữ, đặc biệt là trong các doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước và các khu công nghiệp; phối hợp với Hội Nông dân tỉnh khảo sát lao động nữ nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số về điều kiện lao động; phối hợp với Cục Thống kê tỉnh xây dựng cơ sở dữ liệu về lao động với các số liệu tách biệt theo giới.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, tổng hợp báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hướng dẫn lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới vào việc xây dựng và đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương. Phối hợp với Sở Tài chính, đơn vị liên quan bố trí ngân sách của tỉnh để thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các đơn vị liên quan căn cứ khả năng ngân sách địa phương tham mưu bố trí kinh phí trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Hướng dẫn đơn vị sử dụng và quyết toán theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

4. Sở Tư pháp

- Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành liên quan đến Luật Bình đẳng giới; kịp thời đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ văn bản không còn phù hợp hoặc ban hành mới theo thẩm quyền đảm bảo các quy định về bình đẳng giới. Thực hiện đánh giá việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới trong phạm vi điều chỉnh của văn bản.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới, hôn nhân và gia đình, phòng chống bạo lực gia đình; bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ kiến thức, kỹ năng lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cho đội ngũ cán bộ thực hiện công tác bình đẳng giới ở các cấp, các ngành và cơ sở.

- Tăng cường công tác trợ giúp pháp lý cho các đối tượng, đặc biệt là phụ nữ.

5. Sở Nội vụ

- Sau khi có hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ tiến hành rà soát, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy định về tuổi bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng nữ cán bộ, công chức, viên chức.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách về công tác nữ, qua đó đề xuất, xây dựng chính sách hỗ trợ cán bộ nữ trong công tác đào tạo, đào tạo lãnh đạo nữ, đặc biệt là cán bộ nữ vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tiến hành lồng ghép kiến thức về giới và bình đẳng giới trong đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Sau khi có hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ triển khai hướng dẫn các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố lập kế hoạch hàng năm về biên chế công chức làm công tác bình đẳng giới.

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 09/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Quyết định số 515/QĐ-TTg ngày 31/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thực hiện biện pháp đảm bảo bình đẳng giới đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2020.

6. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, các sở, ngành và các đơn vị liên quan triển khai Kế hoạch dân số - sức khỏe sinh sản; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, chủ động kiểm soát, giải quyết các nguyên nhân sâu xa làm mất cân bằng giới tính.

- Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân trong công tác chăm sóc sức khỏe phụ nữ. Tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện phong trào toàn dân chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình. Cung cấp dịch vụ tư vấn giới tính và tình dục an toàn cho lứa tuổi vị thành niên. Có biện pháp vận động nam giới áp dụng các biện pháp tránh thai.

- Thống kê các vụ bị bạo lực gia đình tại các cơ sở khám, chữa bệnh y tế.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung giáo dục về giới, giới tính, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới cho học sinh, sinh viên; bồi dưỡng cho giáo viên, giảng viên về giới, giới tính, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới; lồng ghép các vấn đề bình đẳng giới vào quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành.

8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn gắn với phát triển các làng nghề, ngành nghề thế mạnh của địa phương, trong đó chú trọng đào tạo nghề cho lao động nữ.

- Tham mưu thực hiện cơ chế, chính sách của tỉnh về hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa; phát triển kinh tế trang trại, hợp tác xã nông, lâm nghiệp - thủy sản; phát triển chăn nuôi nông hộ; thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nhằm tạo việc làm cho lao động nữ khu vực nông thôn.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành liên quan, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xây dựng và triển khai các hoạt động can thiệp phòng, chống bạo lực gia đình; lồng ghép các nội dung về bình đẳng giới vào các thiết chế văn hóa hướng tới mục tiêu gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững.

10. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tăng cường hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh và đổi mới các hoạt động truyền thông, giáo dục chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động về thông tin, báo chí, xuất bản (bao gồm xuất bản, in, phát hành ấn phẩm), thông tin trên Internet về bình đẳng giới và liên quan đến bình đẳng giới; xử lý nghiêm những hành vi xuất bản các ấn phẩm, sản phẩm thông tin có định kiến giới.

11. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng và triển khai thực hiện các hoạt động phòng, chống tội phạm buôn bán người; phòng, chống các hành vi bạo lực gia đình, các hành vi bạo lực, xâm hại đối với phụ nữ và trẻ em.

12. Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Tăng cường tuyên truyền sâu rộng nhằm phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới, có hình thức đưa tin về những gương điển hình tiên tiến và phê phán những hành vi, cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong quá trình triển khai, thực hiện ở các cấp, ngành, địa phương và nhân dân. Tăng thời lượng phát sóng, số lượng bài viết và nâng cao chất lượng tuyên truyền về bình đẳng giới trong các chương trình, chuyên trang, chuyên mục.

13. Ban Dân tộc tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục kiến thức và chính sách pháp luật về bình đẳng giới cho đồng bào dân tộc ít người; vận động đồng bào dân tộc ít người phát huy các phong tục tập quán và truyền thống tốt đẹp của dân tộc phù hợp với mục tiêu của bình đẳng giới.

14. Trường Chính trị tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thành phố thực hiện trang bị kiến thức giới, lồng ghép kiến thức về giới vào các chương trình giảng dạy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành.

15. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch hành động 5 năm và hàng năm về công tác bình đẳng giới tại địa phương phù hợp với Kế hoạch này và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương trong cùng thời kỳ.

- Lồng ghép việc thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này với các chương trình, đề án và kế hoạch khác có liên quan trên địa bàn; bố trí nguồn lực, cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới ở địa phương; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tại địa phương; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, hàng năm hoặc đột xuất việc thực hiện kế hoạch trên địa bàn theo quy định.

16. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị- xã hội

Tích cực tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên của tổ chức mình gương mẫu thực hiện và vận động nhân dân thực hiện tốt Luật Bình đẳng giới gắn với thực hiện cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"*; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật và quản lý nhà nước về bình đẳng giới; giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới; nghiên cứu, bố trí hội viên Hội Phụ nữ làm cộng tác viên, tuyên truyền viên về bình đẳng giới ở cơ sở.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố khẩn trương triển khai thực hiện Kế hoạch; hằng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện 6 tháng *(trước ngày 20/5)*, báo cáo năm *(trước 30/11)*, đồng gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh *(qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp)* chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Bộ LĐTB&XH;
- UBQG VSTBPN Việt Nam;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các ban Đảng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ban VSTBPN tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KGVX (Bắc).

(báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Giang

CÁC CHỈ TIÊU TRONG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI GIAI ĐOẠN 2018-2020

(Kèm theo Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 31/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Mục tiêu, Chỉ tiêu		Kế hoạch năm 2020	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
Mục tiêu 1	**Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị**			
Chỉ tiêu 1	Tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy Đảng:		Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
	- Cấp tỉnh	27%		
	- Cấp huyện	20%		
	- Cấp xã	24%		
Chỉ tiêu 2	Tỷ lệ nữ đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021			
	- Cấp tỉnh	35%		
	- Cấp huyện	35%		
	- Cấp xã	30%		
Chỉ tiêu 3	Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội nhiệm kỳ 2016-2021	50%		
Chỉ tiêu 4	Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt ở cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội nếu cơ quan, tổ chức có tỷ lệ 30% trở lên nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động	80%		
Chỉ tiêu 5	Tỷ lệ nữ được kết nạp Đảng trong tổng số đảng viên mới được kết nạp	50%		
Mục tiêu 2	**Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động**			
Chỉ tiêu 1	Tỷ lệ lao động nữ được tạo việc làm mới trong tổng số người được tạo việc làm	50%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban Dân tộc; Liên đoàn Lao động tỉnh; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh Tuyên Quang; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Tuyên Quang; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
Chỉ tiêu 2	Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp	22,35%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
Chỉ tiêu 3	Tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật	40%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
Chỉ tiêu 4	Tỷ lệ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng	100%	Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh Tuyên Quang; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Tuyên Quang	
Chỉ tiêu 5	Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động của lao động nữ ở khu vực nông thôn	90%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
	Tỷ lệ thất nghiệp lao động nữ ở thành thị	3%		

Mục tiêu 3	**Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo**			
Chỉ tiêu 1	Tỷ lệ biết chữ của nữ trong độ tuổi từ 15-60	98%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
	Tỷ lệ người dân tộc thiểu số biết chữ	90%		
Chỉ tiêu 2	Tỷ lệ nữ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ thạc sĩ so với tổng số cán bộ, công chức, viên chức cùng trình độ	50%	Sở Nội vụ	
	Tỷ lệ nữ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ tiến sĩ so với tổng số cán bộ, công chức, viên chức cùng trình độ	30%		
Mục tiêu 4	**Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe**			
Chỉ tiêu 1	Tỷ số giới tính khi sinh của trẻ sơ sinh trai/trẻ sơ sinh gái	110/100	Sở Y tế	Hội Liên hiệp Phụ nữ; Liên đoàn Lao động tỉnh; Cục Thống kê tỉnh; các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
Chỉ tiêu 2	Tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản	30/100000		
Chỉ tiêu 3	Tỷ lệ nạo, hút thai	25/100		
Chỉ tiêu 4	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	100%		
Chỉ tiêu 5	Tỷ lệ phụ nữ có thai khám thai 3 tháng 1 lần tại các cơ sở y tế	90%		
Chỉ tiêu 6	Tuổi thọ trung bình của phụ nữ	78 tuổi		
Chỉ tiêu 7	Tỷ lệ ca đẻ có nhân viên y tế hoặc y sĩ sản nhi chăm sóc	100%		
Chỉ tiêu 8	Tỷ lệ trạm y tế có nữ hộ sinh, y sĩ sản nhi	100%		
Mục tiêu 5	**Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa và thông tin**			
Chỉ tiêu 1	Số lượng chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở tại các xã, phường, thị trấn hàng tháng	02 chuyên mục/tháng	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; Báo Tuyên Quang; các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
Chỉ tiêu 2	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện, thành phố tiếp tục có nội dung tuyên truyền lồng ghép về bình đẳng giới trong các chương trình thời sự, trong các mục, chuyên mục, chuyên đề liên quan phát trên sóng phát thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử tổng hợp	100%		
Mục tiêu 6	**Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới**			
Chỉ tiêu 1	Rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia công việc gia đình của nữ so với nam giới	2 lần	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Tỉnh đoàn Thanh niên; Liên đoàn Lao động tỉnh; các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
Chỉ tiêu 2	Tỷ lệ nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn về pháp lý và sức khỏe, được hỗ trợ và chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình	45%		
	Tỷ lệ người gây bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	75%		
Chỉ tiêu 3	Số nạn nhân bị buôn bán trở về thông qua trao trả, được giải cứu, số nạn nhân bị buôn bán tự trở về được phát hiện được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng	100%	Công an tỉnh	

Mục tiêu 7	**Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới**			
Chỉ tiêu 1	Tỷ lệ văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới	100%	Sở Tư pháp	Các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
Chỉ tiêu 2	Bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới ở ngành Lao động - Thương binh và Xã hội	100%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
	Số lượng cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nghiệm làm công tác bình đẳng giới ở các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, huyện	100%		
Chỉ tiêu 3	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành được tập huấn nghiệp vụ ít nhất mỗi năm 1 lần	100%		